



UBND. PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM 2025

I - DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2025

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ... ⁽¹⁾ /dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí	970	959.56	99%	97%
1	Học phí (nếu có)	970	959.56	99%	97%
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
1.2	Mức thu				
1.3	Tổng số thu trong năm	970	959.56	99%	95%
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	970	959.56	99%	95%
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	970	959.56	99%	95%
1.6	Số chi trong năm	970	959.56	99%	95%
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	388	383.824	99%	96%
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	242.5	239.89	99%	147%
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	339.5	335.846	99%	111%
	- Chi khác: ...		0		
1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)	970	970	100%	102%
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	4000	1021	26%	17%
2.1	Học thêm	4000	1021	26%	17%
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
2.1.2	Mức thu				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	4000	1021	26%	17%
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	4000	1021	26%	17%
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ([1])	4000	1021	26%	
2.1.6	Số chi trong năm	4000	1021	26%	17%

	Trong đó: - Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	80	20.42	26%	17%
	- Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	2744	700.406	26%	17%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	352.8	90.0522	26%	17%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	509.6	130.0754	26%	17%
	- Chi phúc lợi	235.2	60.0348	26%	17%
	- Chi khác: ...	78.4	20.0116	26%	17%
2.1.7	Số dư cuối năm	0			
2.2	Học nghề	0	0	0%	0%
2,2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
2.22	Mức thu ...	30,000 đ/tháng			
2.2.3	Tổng số thu trong năm	0	0	0%	0%
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	0	0%	0%
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	0	0	0%	0%
2.2.6	Số chi trong năm	0	0	0%	0%
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	0	0	0%	0%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0	0%	0%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	0	0	0%	0%
	- Chi phúc lợi				0%
	- Chi khác: ...	0	0	0%	0%
2.1.7	Số dư cuối năm	0			
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	78	78	100%	0%
4.1	Trông giữ xe đạp	200	205	103%	0%
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu (xe thường: 30.000đ/xe thường/tháng; 50,000đ/xe điện/tháng)				
4.1.3	Tổng số thu trong năm	200	205	103%	101%
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	200	205	103%	101%
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	200	205	103%	101%
4.1.6	Số chi trong năm	200	205	103%	101%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	144	150.48	105%	99%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	20	20.9	105%	99%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	18	18.81	105%	99%
	- Chi phúc lợi	18	18.81	105%	99%

	- Chi khác:				
4.1.7	Số dư cuối năm	0			
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	960	284	135%	209%
5.1	Học Tiếng anh nước ngoài (Khối 6,7,8)	600	284	47%	62%
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu	160.00 0đ/ tháng	160.000đ / tháng		
5.1.3	Tổng số thu trong năm	300	284	95%	62%
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	300	284	95%	62%
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	300	284	95%	0%
5.1.6	Số chi trong năm	300	284	95%	62%
	Trong đó: - Chi trả trung tâm dạy	210	198.8	95%	62%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	1.8	1.704	95%	62%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	13.23	12.5244	95%	62%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	37.044	35.06832	95%	62%
	- Chi phúc lợi	13.23	12.5244	95%	62%
	- Chi GVCN phối hợp công tác quản lý	7.056	6.67968	95%	62%
	- Chi khác: ...	17.64	16.6992	95%	62%
5.1.7	Số dư cuối năm	0			
5.1	Học Kỹ năng sống (Khối 6,7,8)	360	317	88%	147%
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
5.2.2	Mức thu	48,000 đ/ tháng	48,000đ/ tháng		
5.2.3	Tổng số thu trong năm	360	317	88%	90%
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	360	317	88%	90%
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	360	317	88%	90%
5.2.6	Số chi trong năm	360	317	88%	90%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy ...	252	221.9	88%	90%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2.16	1.902	88%	90%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	15.876	13.9797	88%	90%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	44.452 8	39.14316	88%	90%



	- Chi phúc lợi	15.876	13.9797	88%	90%
	- Chi GVCN phối hợp công tác quản lý	8.4672	7.45584	88%	90%
	- Chi khác: ...	21.168	18.6396	88%	90%
5.2.7	Số dư cuối năm	0			
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	1,726	1,726		
6.1	BHYT	677	677	100%	114%
6.1.1	Số học sinh: 1072	1072	1072		
6.1.2	Mức thu ...	0.6318	0.6318		
6.1.3	Tổng thu	677.2896	677.2896	100%	114%
6.1.4	Đã chi	677.2896	677.2896	100%	114%
6.1.5	Dư	0			
6.2	Vòng tay bè bạn	70.00	70		
6.2.1	Số học sinh: 1070	1070	1070		
6.2.2	Mức thu	40.000 đ/năm	40.000đ/năm		
6.2.3	Tổng thu	70	70	100%	117%
6.2.4	Đã chi	70	70	100%	117%
6.2.5	Dư	0	0		
6.3	Nước uống	104.85	104.85		
6.3.1	Số học sinh: 1165	1165	1165		
6.3.2	Mức thu	10.000 đ/tháng	10.000đ/t háng		
6.3.3	Tổng thu	104.85	104.85	100%	100%
6.3.4	Đã chi	104.85	104.85	100%	100%
6.3.5	Dư				
6.4	Số liên lạc điện tử	874	874		
6.4.1	Số học sinh: 1165	1165	1165		
6.4.2	Mức thu	75,000 đ/kỳ	75,000đ/kỳ		
6.4.3	Tổng thu	874	874	100%	100%
6.4.4	Đã chi	874	874	100%	100%
6.4.5	Dư				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	970	959.56	99%	97%
1	Chi sự nghiệp	970	959.56	99%	97%

1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	970	959.56	99%	97%
	Chi thanh toán cá nhân	388	383.824	99%	97%
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	339.5	335.846	99%	97%
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	242.5	239.89	99%	97%
	Chi khác:				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe đạp				
6				
				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	17105	17105	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	17105	17105	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17,105	17,105		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15,242	15242	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	15,099	15,099	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	80	80	100%	

30
RUC
NG H
JANG
7

	Chi khác:	63	63	100%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,863	1,863	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	1,226	1,226	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	72	72	100%	
	Chi mua sắm sửa chữa	511	511	100%	
	Chi khác:	54	54	100%	

II - QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyet chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4+3	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí	1004	1004	0	
1	Học phí (nếu có)	1004	1004	0	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	44	44	0	
1.2	Mức thu	92,000đ/ tháng	92,000đ/ tháng	0	
1.3	Tổng số thu trong năm	960	960	0	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1003	1003	0	
1.5	<u>Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(11)</u>	1003	1003	0	
1.6	Số chi trong năm	1003	1003	0	
	Trong đó: - Bỏ sung chi lương	333	333	0	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	136	136	0	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	342	342	0	
	- Chi khác: ...	192	192	0	
1.7	Số dư cuối năm	0	0	0	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)	92,000đ	92,000đ	0	

2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) <i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>	1021	1021	0	
2.1	Học thêm	1021	1021	0	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
2.1.2	Mức thu ...	12,000đ/t iết	12,000đ/t iết		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1021	1021	0	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1021	1021	0	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	1021	1021	0	
2.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: -Nộp thuế TNDN	20.42	20.42		
	- Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	700.406	700.406	0	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	90.0522	90.0522	0	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	130.0754	130.0754	0	
	- Chi phúc lợi	60.0348	60.0348	0	
	- Chi khác: ...	20.0116	20.0116	0	
2.1.7	Số dư cuối năm				
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)				
3.1	...				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: -				
	-				
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm				
				
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	205	205		
4.1	Trông giữ xe đạp	205	205	0	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu	30,000đ/t háng - 50,000 đ/tháng	30,000đ/t háng - 50,000 đ/tháng		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	205	205	0	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	205	205	0	

92
 3N
 00
 TR
 *

4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	205	205	0	
4.1.6	Số chi trong năm	205	205	0	
	Trong đó: - Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	20.5	20.5	0	
	- Chi cho người tham gia	147.6	147.6	0	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	18.45	18.45	0	
	- Chi phúc lợi	18.45	18.45	0	
	- Chi khác:			0	
4.1.7	Số dư cuối năm	0	0	0	
				
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	601	601		
5.1	Kỹ năng sống	317	317		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu	12,000đ/t iết	12,000đ/t iết		
5.1.3	Tổng số thu trong năm	317	317	0	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	317	317	0	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	317	317	0	
5.1.6	Số chi trong năm	317	317	0	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy ...	221.9	221.9	0	
	- Nộp thuế TNDN	1.90	1.90		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	13.98	13.98	0	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	39.14	39.14	0	
	- Chi phúc lợi	13.98	13.98	0	
	- Chi GVCN phối hợp công tác quản lý	7.46	7.46	0	
	- Chi khác: ...	18.64	18.64	0	
5.1.7	Số dư cuối năm				
5.1	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	284	284		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu	40,000đ/ tiết	40,000đ/ tiết		
5.1.3	Tổng số thu trong năm	284	284	0	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	284	284	0	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	284	284	0	
5.1.6	Số chi trong năm	284	284	0	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy ...	198.8	198.8	0	
	- Nộp thuế TNDN	1.70	1.70	0	

	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	12.52	12.52	0	
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	35.07	35.07	0	
	- Chi phúc lợi	12.52	12.52	0	
	- Chi GVCN phối hợp công tác quản lý	6.68	6.68	0	
	- Chi khác: công tác phối hợp quản lý dạy TANN và hỗ trợ trực	16.70	16.70	0	
5.1.7	Số dư cuối năm				
				
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	1725.29	1725.29		
6.1	BHYT	677.29	677.29		
6.1.1	Số học sinh	1072	1072	0	
6.1.2	Mức thu ...	0.63	0.63	0	
6.1.3	Tổng thu	677.29	677.29	0	
6.1.4	Đã chi	677.29	677.29	0	
6.1.5	Dư	0	0	0	
6.2	Vòng tay bè bạn	76.079	76.079	0	
6.2.1	Số học sinh:	1164	1164	0	
6.2.2	Số dư năm trước chuyển sang	8.353	8.353		
6.2.3	Mức thu	40.000đ/ năm	40.000đ/ năm		
6.2.4	Tổng thu	67.726	67.726	0	
6.2.5	Đã chi	59.249	59.249	0	
6.2.6	Dư	16.830	16.830	0	
6.3	Nước uống	104	104	0	
6.3.1	Số học sinh:	1165	1165	0	
6.3.2	Mức thu	10.000đ/ tháng	10.000đ/ tháng		
6.3.3	Tổng thu	104	104	0	
6.3.4	Đã chi	104	104	0	
6.3.5	Dư	0	0	0	
6.4	Số liên lạc điện tử	873.75	873.75	0	
6.4.1	Số học sinh:	1165	1165	0	
6.4.2	Mức thu	75.000đ/ kỳ	75.000đ/ kỳ	0	
6.4.3	Tổng thu	873.75	873.75	0	
6.4.4	Đã chi	873.75	873.75	0	
6.4.5	Dư	0	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				

	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ...				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe đạp				
6				
				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước	17,105	17,105	-	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				

	Chi khác:				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17,105	17,105	-	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15,242	15,242	-	
	Chi thanh toán cá nhân	12,238	12,238	-	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	80	80	-	
	Chi mua sắm sửa chữa	0	0	-	
	Chi khác:	63	63	-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,863	1,863	-	
	Chi thanh toán cá nhân	1226	1226	-	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	72	72	-	
	Chi mua sắm sửa chữa	511	511	-	
	Chi khác:	54	54	-	
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
	...				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

T.P.H. / P. /

